

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/DS-ST
Ngày: 29-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Quốc Tiệp;

Ông Nguyễn Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 284/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H (M).

Trụ sở: Số E đường N, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Tòa nhà TNR, số A đường N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần H.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trần Trọng T, sinh năm 1974 (vắng mặt);

2. Ông Huỳnh Công C, sinh năm 1986 (vắng mặt);

3. Ông Nguyễn Trần T1, sinh năm 2002 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số A đường T, phường C, thành phố Cần Thơ.

Theo giấy ủy quyền số 779/2025/UQ-TGD12 ngày 22/01/2025.

- Bị đơn:

1. Ông Lâm Hữu P, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ hiện nay: Ấp H, xã G, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Trần Ngọc B, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ hiện nay: Số C KV10, phường H, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị D (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã G, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần H – chi nhánh C1- phòng G với ông Lâm Hữu P đã ký kết các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 149524.01223/2023/HĐTCHM ngày 29/3/2023. Số tiền vay: 10.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân. Lãi suất cho vay: Quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 149524.01223/2023/HĐTCHM ngày 29/3/2023. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngày 29/3/2023, M - Chi nhánh C1 - P1 đã giải ngân cho ông Lâm Hữu P theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 149524.01223/2023/HĐTCHM ngày 29/3/2023, số tiền 10.000.000 đồng.

- Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 149524.01222/2023/HĐCV ngày 29/3/2023. Số tiền vay: 485.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm. Lãi suất cho vay: Quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 149524.01222/2023/HĐTDHM ngày 29/3/2023. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngày 29/3/2023, M - Chi nhánh C1 - P1 đã giải ngân cho ông Lâm Hữu P theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 149524.01222/2023/HĐCV ngày 29/3/2023, số tiền 485.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 29/3/2023 ông Lâm Hữu P và Ngân hàng Thương mại Cổ phần H – chi nhánh C1- phòng G đã ký kết hợp đồng thế chấp số 149524.01223/2023/HĐTC ngày 29/3/2023, số công chứng 1008, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2, tỉnh Sóc Trăng. Theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CX 748621, số vào sổ cấp GCN: CS03379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 22/9/2020, đứng tên ông Lâm Hữu P, cập nhập biến động ngày 04/11/2022 và ngày 17/11/2022. Tọa lạc tại thửa đất số 1283, tờ bản đồ số 3. Địa chỉ thửa đất: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết như sau:

Buộc ông Lâm Hữu P và bà Trần Ngọc B liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H tổng số nợ của 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/8/2025 là 552.035.639 đồng. Trong đó, nợ gốc là 450.338.988 đồng và tiền lãi trong hạn là 93.752.461 đồng, lãi quá hạn là 7.944.190 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng sau ngày 29/8/2025 cho đến khi ông Lâm Hữu P và bà Trần Ngọc B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H.

Trong trường hợp ông Lâm Hữu P và bà Trần Ngọc B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần H được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kể cả việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- *Đối với bị đơn ông Lâm Hữu P, bà Trần Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông bà Lâm Thị D:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt và không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng có mặt là đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự vắng mặt, không có lý do là chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lâm Hữu P và bà Trần Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H tổng số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/8/2025 là 552.035.639 đồng. Trong đó, nợ gốc là 450.338.988 đồng và tiền lãi trong hạn là 93.752.461 đồng, lãi quá hạn là 7.944.190 đồng và lãi suất tiếp theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ.

Trong trường hợp ông Lâm Hữu P, bà Trần Ngọc B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng Thương mại cổ phần H được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 149524.01223/2023/HĐTC ngày 29/3/2023, số công chứng 1008, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2, tỉnh Sóc Trăng. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CX 748621, sổ vào sổ cấp GCN: CS03379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 22/9/2020, đứng tên ông Lâm Hữu P, cập nhập biến động ngày 04/11/2022 và ngày 17/11/2022, tại thửa đất số 1283, tờ bản đồ số 3. Địa chỉ thửa đất ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nay là xã N, thành phố Cần Thơ.

Dành quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị D được quyền ưu tiên mua lại quyền sử dụng đất liên quan đến bức tường căn nhà khi có nhu cầu tại thửa đất số đất số 1283, tờ bản đồ số 3. Địa chỉ thửa đất ấp H, xã G, thành phố Cần Thơ.

Đề nghị tuyên án phí, chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các bị đơn ông Lâm Hữu P, bà Trần Ngọc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị D đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần H về việc trả số tiền vay:

[2.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần H yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông P, bà B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/8/2025 là 552.035.639 đồng. Trong đó, nợ gốc là 450.338.988 đồng và tiền lãi trong hạn là 93.752.461 đồng, lãi quá hạn là 7.944.190 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.2] Chứng cứ Ngân hàng Thương mại cổ phần H đưa ra là Hợp đồng tín dụng hạn mức số 149524.01223/2023/HĐTCHM ngày 29/3/2023, Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 149524.01222/2023/HĐCV ngày 29/3/2023, Hợp đồng thế chấp số 149524.01223/2023/HĐTC ngày 29/3/2023, Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 29/3/2023. Ông P và bà B đã được Toà án cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[2.3] Nhận thấy khi thực hiện thỏa thuận vay tiền, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần H đã thực hiện việc giao đầy đủ số tiền như cam kết cho bị đơn, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn khi đến hạn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nguyên đơn, vi phạm hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và vi phạm Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần H yêu cầu bị đơn ông P bà B thanh toán số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng là 450.338.988 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi: Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền lãi bị đơn phải trả tính đến 29/8/2025 là 101.696.651 đồng, trong đó tiền lãi trong hạn là 93.752.461 đồng, lãi quá hạn là 7.944.190 đồng và ông P, bà B phải trả lãi phát sinh sau ngày 29/8/2025 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả hết nợ. Ông P bà B là vợ chồng, mục đích vay tiền là tiêu dùng mua sắm, phục vụ đời sống nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định ông P, bà B phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ vay gốc và tiền nợ lãi cho phía nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[3.1] Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 149524.01223/2023/HĐTC ngày 29/3/2023, số công chứng 1008, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp tại thửa đất số 1283, tờ bản đồ số 3. Địa chỉ thửa đất: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Nhận thấy hợp đồng thế chấp đã được chứng thực tại Văn phòng C2, tỉnh Sóc Trăng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M đúng theo quy định. Vì vậy, trong trường hợp ông P, bà B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ của 02 hợp đồng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần H yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định.

[3.2] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì trên phần đất thế chấp hiện nay có bức tường căn nhà cũ của bà Lâm Thị D, do đó cần dành quyền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị D được quyền ưu tiên mua lại quyền sử dụng đất liên quan đến bức tường căn nhà khi có nhu cầu tại thửa đất số đất số 1283, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất ấp H, xã G, thành phố Cần Thơ.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 750.000 đồng, ông P, bà B phải liên đới chịu. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần H đã nộp tạm ứng trước nên ông P, bà B phải có nghĩa vụ liên đới nộp 750.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H theo quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông P, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 26.081.425 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng Thương mại cổ phần H không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần H đối với bị đơn ông Lâm Hữu P, bà Trần Ngọc B.

1. Buộc bị đơn ông Lâm Hữu P, bà Trần Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H tổng số tiền còn nợ là 552.035.639 đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm ba mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 450.338.988 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 29/8/2025 gồm lãi trong hạn là 93.752.461 đồng, lãi quá hạn là 7.944.190 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 149524.01223/2023/HĐTCHM ngày 29/3/2023 và Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 149524.01222/2023/HĐCV ngày 29/3/2023.

2. Trong trường hợp ông Lâm Hữu P, bà Trần Ngọc B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng Thương mại cổ phần H được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 149524.01223/2023/HĐTC ngày 29/3/2023, số công chứng 1008, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2, tỉnh Sóc Trăng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CX 748621, số vào sổ cấp GCN: CS03379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 22/9/2020, đứng tên ông Lâm Hữu P, cập nhập biến động ngày 04/11/2022 và ngày 17/11/2022, tại thửa đất số 1283, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nay là xã G, thành phố Cần Thơ. Dành quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị D được quyền ưu tiên mua lại quyền sử dụng đất liên quan đến bức tường căn nhà khi có nhu cầu tại thửa đất số đất số 1283, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nay là xã G, thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lâm Hữu P và bà Trần Ngọc B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 26.081.425 đồng (Hai mươi sáu triệu, không trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng), nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngân hàng Thương mại cổ phần H không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.862.000 đồng (Mười một triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008296 ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

4. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Lâm Hữu P, bà Trần Ngọc B phải liên đới nộp chi phí tố tụng là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) để hoàn trả cho

Ngân hàng Thương mại cổ phần H, nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố CT;
- VKSND khu vực 8 - CT;
- Phòng THA DS khu vực 8 - CT;
- Các đương sự, đại diện DS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ